TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST
Ngày: 25/5/2026.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Trần Văn Tôn.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-KDTM, ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1.
Địa chỉ: số B đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch ngân hàng TMCP S1 – P, có mặt.
Địa chỉ: Số I đường C ấp P, xã G, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Công ty TNHH V.
Người đại diện: Ông Vi Minh D – sinh năm 1977, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng TMCP S1 – Phòng G có cho Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện vay số tiền 1.650.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng số 202327093273, ký ngày 11/5/2023 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327093273/01 ngày 15/5/2024 và số 202327093273/02 ngày 15/5/2025, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lưu động và phát hành chứng thư bảo lãnh. Thời hạn vay là 06 tháng/01 lần nhận nợ, hình thức thanh toán trả lãi hàng tháng (quá 10 ngày kể từ ngày phải thanh toán lãi mà không thanh toán lãi thì phải chịu lãi quá hạn); trả gốc cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ; lãi suất thỏa thuận là 8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH

V do ông Vi Minh D làm đại diện tổng số tiền 1.650.000.000đồng theo 10 lần giải ngân, theo giấy nhận nợ:

Lần 1 số LD2514300119, ký ngày 23/5/2025, ngày đáo hạn là 23/11/2025 số tiền 520.000.000 đồng.

Lần 2 số LD2514700179, ký ngày 27/5/2025, ngày đáo hạn là 27/11/2025 số tiền 70.000.000 đồng.

Lần 3 số LD2514900104, ký ngày 29/5/2025, ngày đáo hạn là 29/11/2025 số tiền 70.000.000 đồng.

Lần 4 số LD2515300124, ký ngày 02/6/2025, ngày đáo hạn là 02/12/2025 số tiền 68.000.000 đồng.

Lần 5 số LD2515500082, ký ngày 04/6/2025, ngày đáo hạn là 04/12/2025 số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 6 số LD2515700227, ký ngày 06/6/2025, ngày đáo hạn là 06/12/2025 số tiền 95.000.000 đồng.

Lần 7 số LD2516100256, ký ngày 10/6/2025, ngày đáo hạn là 10/12/2025 số tiền 261.000.000 đồng.

Lần 8 số LD2517400078, ký ngày 23/6/2025, ngày đáo hạn là 23/12/2025 số tiền 160.000.000 đồng.

Lần 9 số LD2517600062, ký ngày 25/6/2025, ngày đáo hạn là 25/12/2025 số tiền 160.000.000 đồng.

Lần 10 số LD2517800083, ký ngày 27/6/2025, ngày đáo hạn là 27/12/2025 số tiền 146.000.000 đồng.

Khi vay tiền Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện có ký hợp đồng thế chấp số 202305102108641, ngày 11/5/2023, gồm các tài sản cá nhân của ông Vi Minh D như sau:

* QSD đất có diện tích 2.807,7 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 72 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CE 357532 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/11/2016 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023.

* QSD đất có diện tích 236,1 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 74 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CU 952619 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/07/2020 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết. Từ ngày 26/10/2026, số tiền vay của Công ty TNHH V đã chuyển nợ quá hạn. Hiện tại, dư nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 25/5/2026 là 1.650.000.000 đồng vốn gốc, lãi trong hạn là 15.521.751 đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn là 740.592 đồng và lãi quá hạn là 91.720.114 đồng, tổng cộng bằng 1.757.982.457 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện phải trả hết tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là 1.757.982.457 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận đến khi tất toán hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 202305102108641, ngày 11/5/2023 để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện trình bày tại bản tự khai ngày 06/4/2026 như sau: Ông có vay của Ngân hàng TMCP S1 số tiền 1.650.000.000đồng và nợ tiền lãi đến nay không có khả năng trả nên ông đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp. Bà Vi Kim S có tên trong giấy phép kinh doanh nhưng không có liên quan đến khoản vay này mà chỉ có một mình ông vay và tư chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng TMCP S1.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện phải trả cho Ngân hàng số tiền vay và lãi phát sinh theo bảng tính lãi ngày 25/5/2026 và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S1 với Công ty TNHH V là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Ông Vi Minh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Vi Minh D.

Ông Vi Minh D có bản tự khai cho rằng số tiền nợ Ngân hàng TMCP S1 do ông vay và thế chấp bằng tài sản của mình. Tuy nhiên, khi vay tiền ông đứng tên vay với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V và mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh lưu động và phát hành chứng thư bảo lãnh nên ngân hàng kiện Công ty TNHH V là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Tại hợp đồng tín dụng số 202327093273, ký ngày 11/5/2023; 10 giấy nhận nợ số LD2514300119, ký ngày 23/5/2025; số LD2514700179, ký ngày 27/5/2025; số LD2514900104, ký ngày 29/5/2025; số LD2515300124, ký ngày 02/6/2025; số LD2515500082, ký ngày 04/6/2025; số LD2515700227, ký ngày 06/6/2025; số LD2516100256, ký ngày 10/6/2025; số LD2517400078, ký ngày 23/6/2025; số LD2517600062, ký ngày 25/6/2025 và số LD2517800083, ký ngày 27/6/2025 với tổng số tiền bằng 1.650.000.000đồng giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và Thông tư số 17/2021/TT-NHNN, ngày 16/11/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, ngày 30/6/2016. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V không thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng và số tiền vay đã chuyển nợ quá hạn, do Công ty TNHH V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc Công ty TNHH V phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 202305102108641, ngày 11/5/2023, để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay, gồm các tài sản cá nhân của ông Vi Minh D và ông D đồng ý giao các tài sản thế chấp để ngân hàng phát mãi gồm: QSD đất có diện tích 2.807,7 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 72 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CE 357532 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/11/2016 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023. QSD đất có diện tích 236,1 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 74 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CU 952619 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/07/2020 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp phía Công ty TNHH V không thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty TNHH V phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP S1 về phạt vi phạm trên số tiền lãi trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[7] Về án phí KDTMST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Công ty TNHH V phải nộp 64.740.000 (1.757.982.457 đồng x 5%) đồng.

Ngân hàng TMCP S1 được nhận lại 31.393000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 302568 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Áp dụng khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc Công ty TNHH V do ông Vi Minh D làm đại diện phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền 1.757.982.457 (một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng của hợp đồng tín dụng số 202327093273, ký ngày 11/5/2023, gồm có số tiền nợ gốc là 1.650.000.000 (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 107.982.457 (một trăm lẻ bảy triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S1, thì Ngân hàng TMCP S1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ trên gồm:

* QSD đất có diện tích 2.807,7 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 72 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CE 357532 được

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 17/11/2016 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023.

* QSD đất có diện tích 236,1 m^2, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 74 - 2016, tọa lạc tại ấp P, xã G, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số CU 952619 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/07/2020 do ông Vi Minh D và bà Lý Bích N đứng tên và được thay đổi biến động cho ông Vi Minh D đứng tên vào ngày 10/5/2023

Khi Công ty TNHH V trả hết số nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP S1, thì Ngân hàng TMCP S1 có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty TNHH V.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc Công ty TNHH V phải nộp số tiền 64.740.000 đồng.

Ngân hàng TMCP S1 được nhận lại 31.393.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 302568 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSNDKV5;
- THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang